

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN HÀ NỘI ATK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN HÀ NỘI ATK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ATK HA NOI REAL ESTATE BUSINESS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ATK GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109254605

3. Ngày thành lập: 14/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

134 Phố Nguyễn Khuyến , Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4321
2.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
3.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
4.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
5.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
6.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
7.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
8.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
9.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết hoạt động của đại lý tư vấn , giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.	7810
10.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại không thực hiện các hiệu ứng cháy , nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy , hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện , phim ảnh	8230
12.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

13.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở).	3100
14.	Xây dựng nhà để ở	4101
15.	Xây dựng nhà không để ở	4102
16.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
17.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
18.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
19.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
21.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
22.	Phá dỡ	4311
23.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết: Bán lẻ, xuất nhập khẩu ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống), loại 12 chỗ ngồi trở xuống không kể người lái, loại mới và loại đã qua sử dụng	4512
25.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, xuất nhập khẩu ô tô và xe có động cơ khác	4513
26.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn - bán lẻ - đại lý - xuất nhập khẩu mô tô, xe máy	4541
27.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản)	4610
28.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu vật liệu, thiết bị lắp đặt xây dựng	4663
29.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn xuất nhập khẩu nguyên liệu các sản phẩm nhựa, nguyên liệu từ nhựa	4669
30.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
31.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản, môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý).	6820
32.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	7020
33.	Quảng cáo	7310
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320

35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	In ấn Chi tiết: in lịch, in áp phích, in mục lục quảng cáo, in tờ quảng cáo, in ấn phẩm quảng cáo khác (không hoạt động tại trụ sở).	1811
37.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ in tráng bao bì kim loại, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan tại trụ sở)	1812
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
39.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5012
40.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
41.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa; thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa	5229
43.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
44.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động).	7830
45.	Đại lý du lịch	7911
46.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Điều hành tua du lịch nội địa và quốc tế	7912
47.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
48.	Vệ sinh chung nhà cửa (trừ dịch vụ xông hơi khử trùng)	8121
49.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4329
52.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

53.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
54.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu ô tô và xe có động cơ khác	4511
55.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê .	5510
56.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
57.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
58.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ kinh doanh quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5629
59.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5630
60.	Bán buôn đồ uống	4633
61.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
62.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
63.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
64.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THANH SƠN	10 Ngõ 6 Vạn Phúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.960.000	19.600.000.000	98,000	001072009163	
			Tổng số	1.960.000	19.600.000.000	98,000		
2	LÊ THẾ THIÊN	Số 4 Tổ 3 , Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	0,500	011872842	
			Tổng số	10.000	100.000.000	0,500		

